

Bản án số: 28/2021/KDTM-PT
Ngày 03/3/2021
“V/v tranh chấp hợp đồng thuê
khoán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: bà Ngô Tuyết Băng và ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: ông Trần Chí Thành- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/12/2020 và 03/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 139/2019/KTPT ngày 24/12/2019 về việc tranh chấp Hợp đồng thuê khoán do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM- ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 610/2020/QĐXX- PT ngày 11/10/2020, giữa:

Đồng nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần KG thương mại Việt Nam

Trụ sở: tầng, tòa nhà số phố TĐ, tổ, phường ĐC, quận HM, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc K- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (ông K có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: các Luật sư Trần Quốc Hùng, Hoàng Đức Anh, Hoàng Yến- Văn phòng Luật sư Trần Quốc Hùng, thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội (ông Hùng, anh Anh và bà Yến vắng mặt tại phiên tòa).

2. Công ty cổ phần truyền thông ASV

Trụ sở: số phố TĐ, phường ĐC, quận HM, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc K- Tổng giám đốc (ông K có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp VT**

Trụ sở: số đường KL, tổ, phường TP, quận HM, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị N- Chủ tịch kiêm giám đốc Hợp tác xã (bị đơn có đơn xin rút kháng cáo và xin vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Hội phát triển trồng R và bảo tồn sinh thái TP Hà Nội

Trụ sở: tổ, phường ĐC, quận HM, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc K (ông K vắng mặt tại phiên tòa).

2. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1961

Trú tại: số quận HM, TP Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc K (ông K vắng mặt tại phiên tòa).

3.Chị **Nguyễn Lan A**,sinh năm 1984

4.Anh **Nguyễn Tạ C**,sinh năm 1979

Chị A và anh C cùng trú tại, TP HN; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc K (ông K vắng mặt tại phiên tòa).

5.Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1970

Trú tại: phố quận HM, TP HN; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Đan M (bà M có mặt tại phiên tòa).

6.Bà **Nguyễn Thị Đan M**, sinh năm 1975

Trú tại: số quận HM, TPHN (bà M có mặt tại phiên tòa).

7.Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải PE

Trụ sở: quận HM, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Việt Đ Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Đan M (bà M có mặt tại phiên tòa).

8.Công ty TNHH sản xuất và thương mại BA

Trụ sở: quận HM, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Xuân B- Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Đan M(bà M có mặt tại phiên tòa).

9.Ông **Kiều Hùng T**, sinh năm 1974

Trú tại: số quận HM, TP HN; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc K (ông K vắng mặt tại phiên tòa).

10.Bà **Hoàng Thị Thanh H**, sinh năm 1975

Trú tại: ngõ quận HBT, TP HN; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Đan M (bà M có mặt tại phiên tòa).

11.Ông **Dương Hồng H**, sinh năm 1967

Trú tại: quận HM, TP HN; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Đan M (bà M có mặt tại phiên tòa).

12. Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1980

Trú tại: tổ quận HM, TP HN; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Đan M (bà M có mặt tại phiên tòa).

13. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1988

Trú tại: quận HM, TP Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Đan M (bà M có mặt tại phiên tòa).

14. Chị **Vũ Thị Ngọc D**, sinh năm 1981

Trú tại: quận HM, TP HN (chị D có đơn rút kháng cáo và xin vắng mặt tại phiên tòa).

15. Công ty CP đầu tư phát triển AMV

Trụ sở: quận HM, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Đan M (bà M có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: ông **Vũ Đại H**, sinh năm 1969 (Phó giám đốc Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp VT), trú tại quận HM, TP HN (ông H có mặt tại phiên tòa).

Người giám định:

1. Viện nghiên cứu Công nghiệp R- Viện khoa học LN Việt Nam

Trụ sở: quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Dung N - Phó viện trưởng (phụ trách); người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Hữu T (ông T có mặt tại phiên tòa).

2. Công ty TNHH thẩm định giá và GĐVN

Trụ sở: quận Đống Đa, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Gia C- Giám đốc (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần KG thương mại Việt Nam và Công ty cổ phần truyền thông ASV trình bày:

- Ngày 01/01/2007, Công ty TNHH thương mại XNK K, nay là Công ty CP KG thương mại Việt Nam (Bên B), (sau đây viết tắt là nguyên đơn) đã ký Hợp đồng kinh tế với Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp VT (bên A) (sau đây viết tắt là bị đơn) để sản xuất nuôi thả cá, xây dựng mô hình VAC và làm dịch vụ tại khu vực quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Trong hợp đồng trên, hai bên đã thống nhất thỏa thuận những vấn đề chính sau đây:

- Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2014;

- Diện tích thuê 36.000m², (trong đó có 7931,5m² đất nông nghiệp mà bà Nguyễn Thị N đã mua lại quyền sử dụng đất của 50 hộ dân là xã viên HTX VT, có xác nhận của HTX VT).

Về năng suất:

-Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2009: 7.500kg cá/năm;

-Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2014: 10.000kg cá/năm.

Về thời gian nộp sản lượng: 2 lần/năm (lần 1 từ ngày 01/6 đến ngày 30/6 và lần 2 từ ngày 01/12 đến ngày 30/12). Nộp đúng và đủ theo quy định thì người nhận thầu được thưởng 1% giá trị nộp, nếu nộp không đủ và không đúng thời hạn thì phải chịu lãi suất ngân hàng, cụ thể:

Tháng thứ nhất trả bằng lãi suất vay ngân hàng; tháng thứ 2 đến tháng thứ 5 gấp 2 lãi suất ngân hàng; tháng thứ 6 thu chưa đủ và đúng thời gian thì bên bị đơn sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường một khoản nào.

Nếu nguyên đơn phá vỡ hợp đồng trước thời hạn thì phải chịu phạt 20% giá trị sản lượng mỗi năm mà vẫn phải thanh toán các khoản nợ đối với bên A. Ngược lại, nếu bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải bồi thường tất cả các khoản mà bên B đã đầu tư vào đất.

Bên B phải tự bỏ kinh phí đầu tư xây dựng công trình sản xuất, đảm bảo khi hết hạn hợp đồng, công trình phải còn nguyên trạng ban đầu, hỏng đâu phải sửa chữa đó. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn luôn thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng. Cụ thể, nguyên đơn đã phải đầu tư xây dựng các hạng mục sau:

Xây dựng văn phòng, nhà kho, nhà bảo vệ...; Đắp 7- 8m sát bờ mương huyện và xây dựng kè gạch; Đắp 4m mặt đường phía tây sát khu hội trường; Trồng cây ăn quả bờ phía tây sát hội trường và bờ mương huyện; Mua lại 45m² lều lán của ông Trần Ngọc Vân (chủ hợp đồng trước) với giá 170.000.000 đồng và toàn bộ công trình và cây ăn quả có giá trị 1.000.000.000 đồng; Kè bờ ao chống lở, sỏi mòn cao 2m, dài 390m; Trồng cây ăn quả, nuôi thả cá, ba ba; Chăn nuôi gia cầm, gia súc; Ươm trồng 36.000 cây sưa giống lõi đỏ mua từ vườn quốc gia Ba Vì.

Ngày 31/12/2014, trước khi hết hạn hợp đồng nguyên đơn đã bàn giao toàn bộ tài sản nêu trên cho Công ty cổ phần truyền thông ASV (viết tắt là Công ty ASV), để Công ty ASV, bà Nguyễn Thị N và bị đơn tiếp tục gia hạn và ký tiếp Hợp đồng số 03-HĐKT/2015 ngày 01/01/2015 với thời hạn đến hết năm 2019.

Về các điều khoản cơ bản như: năng suất, sản lượng phải nộp và thời hạn nộp sản lượng, hai bên vẫn thống nhất thỏa thuận như hợp đồng đã ký năm 2007. Ngày 20/5/2015, bà N nộp tiền ký cược 100 triệu đồng của hợp đồng kinh tế 03 cho bị đơn để ký kết hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn vẫn nộp sản lượng đúng và đủ theo như hợp đồng cũ cho bị đơn. Tuy nhiên, đến đầu năm 2016, bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty ASV với lý do Công ty ASV không nộp số tiền

827.480.280 đồng là khoản tiền lãi ngân hàng do nộp sản lượng chậm mà không hề có bất cứ thông báo hay thỏa thuận nào với Công ty ASV.

Trong khi hai bên chưa giải quyết xong việc tranh chấp, thì bị đơn đã cho người phá dỡ cây cối, các công trình xây dựng mà nguyên đơn đã bỏ tiền ra đầu tư. Đặc biệt nghiêm trọng hơn, ngày 10/10/2016 bị đơn đã tự ý ký hợp đồng số 03/HĐKT/2016, cho ông Vũ Văn T thuê khu vực đầm B với thời hạn 04 năm kể từ ngày 10/10/2016 đến ngày 31/12/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã xác nhận đến hết năm 2011 nguyên đơn đã nộp đủ sản lượng và tiền lãi. Từ năm 2012, nguyên đơn đã nộp tiền sản lượng khu vực đầm B cụ thể như sau:

- Lần 1: Phiếu thu ngày 20/8/2013 số 48 quyển số 3 nộp cho 03 hợp đồng Ao Đầm Bàu, Ao Giữa, Ao Chăn Nuôi số tiền 800 triệu đồng và chia cho đầm B 150 triệu đồng.

- Lần 2: Phiếu thu số 50 quyển số 4 ngày 11/8/2014 là 510 triệu đồng nộp sản lượng cho đầm B 03 năm 2012, 2013 và 2014.

- Lần 3: Phiếu thu số 76 quyển số 05 ngày 01/11/2014 số tiền là 518.416.000 đồng. Phần lý do nộp ghi: Bà N trả giá trị sản lượng còn lại của 03 ao đầm B + ao Giữa + ao Chăn Nuôi năm 2013.

- Lần 4: Phiếu thu số 35 ngày 31/3/2015 nộp cho đầm B năm 2014 số tiền 220 triệu đồng.

- Lần 5: Phiếu thu số 50 ngày 20/5/2015 thu tiền ký cược khu đầm B niên hạn 2015 - 2019 số tiền 100 triệu đồng để ký hợp đồng số 03-HĐKT/2015 ngày 01/01/2015 giữa bị đơn và Công ty ASV do ông K ủy quyền cho bà N ký kết theo biên bản làm việc ngày 20/5/2015 tại Hợp tác xã VT.

- Lần 6: Phiếu thu số 14, quyển số 01 ngày 25/3/2016 bà Nguyễn Thị N nộp số tiền 271.354.000 đồng. Phần lý do nộp ghi: nộp nốt giá trị sản lượng khu đầm B + ao Giữa + ao Chăn Nuôi năm 2015.

Ngoài ra, còn khoản tiền ký cược của hợp đồng giai đoạn 2007 đến 2014 bên Hợp tác xã đang còn lưu giữ. Bị đơn cho rằng nguyên đơn nộp thiếu tiền lãi do trả chậm tiền sản lượng và đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án, ban đầu bên nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về nhà, xưởng cơ sở vật chất đầu tư tại đầm Bàu, gia súc, vật nuôi, cây xoài, cây sưa.

Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, tại buổi định giá tài sản nguyên đơn rút lại các yêu cầu bồi thường về nhà xưởng và chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về giá trị số lượng cây sưa lõi đỗ được ươm tại đầm B năm 2012 và 2015 do bị phá hủy. Nguyên đơn đã đề nghị mời cơ quan chuyên môn giám định và thẩm định giá trị số lượng các cây sưa còn lại, chưa bị phá hủy tại đầm B và không yêu cầu định giá các tài sản khác.

Nay Công ty K và Công ty ASV là đồng nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu hủy các hợp đồng kinh tế bị đơn đã ký kết với các cá nhân, tổ chức tại khu vực đầm B và không ký thêm hợp đồng với bất cứ cá nhân, tổ chức khác trong quá trình giải quyết vụ án.

- Yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế số 03 ký ngày 01/01/2015 với Công ty ASV và bà N, phải đảm bảo đủ thời gian thực hiện hợp đồng là 05 năm, trừ thời gian bị đơn đã hủy hợp đồng trái pháp luật để cho người khác thuê.

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng đối với Công ty ASV. Yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại đối với 26.168 cây sưa giống lỗi do được ươm tại đầm B theo hợp đồng mua bán cây sưa giống năm 2012 (số lượng 36.000 cây) mua tại vườn quốc gia Ba Vì về ươm tại đầm B năm 2012 đã bị phá hủy theo cách tính như sau:

- Số lượng cây sưa ươm tại đầm B theo hợp đồng mua bán cây sưa giống lỗi do tại Vườn quốc gia Ba Vì năm 2012 là 36.000 cây;

- Số lượng cây sưa còn sót lại tại đầm B tại thời điểm Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ là 832 cây;

- Số lượng cây sưa lỗi do bị chết do quá trình vận chuyển từ vườn quốc gia Ba Vì về đầm B tính theo tỷ lệ là $10\% = 3.600$ cây;

- Số lượng cây sưa lỗi do bị chết trong thời gian ươm trồng phải tĩa đi tính theo tỷ lệ là: $15\% = 5.400$ cây.

Tổng số lượng cây sưa lỗi do ươm tại đầm B năm 2012 bị hủy hoại được tính như sau:

$$36.000 \text{ cây} - (832 \text{ cây} + 3.600 \text{ cây} + 5.400 \text{ cây}) = 26.168 \text{ cây}.$$

Như vậy, tổng giá trị thiệt hại đối với 26.168 cây sưa lỗi do bị hủy hoại là 26.168 cây x 233.000 đồng/cây = 6.097.144.000 đồng (theo Chứng thư số 429/CT-TĐG-VAI ngày 18/12/2018 của Công ty TNHH thẩm định giá và giám định Việt Nam có giá trị trung bình là 233.000 đồng/cây). Tổng giá trị là 6.097.144.000 đồng.

- Yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt 30.000 cây sưa giống lỗi do ươm tại đầm B theo hợp đồng mua bán cây sưa giống năm 2015, tính theo giá gốc 1.190.000.000 đồng.

Tổng giá trị yêu cầu bồi thường thiệt hại là 7.287.144.000 đồng.

- Các thiệt hại khác về tài sản như cây ăn quả, vật nuôi như cá, rùa, ba ba, trai... tại đầm Bàu, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và sẽ giải quyết trong vụ án khác khi thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ.

Bị đơn là Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp VT do bà Nguyễn Thị N là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 01/01/2007, bị đơn ký hợp đồng nuôi thả thủy sản và dịch vụ với Công ty K do bà Nguyễn Thị N làm đại diện cho khu đầm B đến ngày 31/12/2014 đúng như nguyên đơn đã trình bày.

Khi hết thời hạn của hợp đồng ngày 31/12/2014 tại bảng kê kế toán của bị đơn thể hiện Công ty K còn nợ sản lượng và tiền lãi của khu vực đầm B là số tiền 326.737.216 đồng, trong đó tiền sản lượng là 220.000.000 đồng, tiền lãi là 106.737.216 đồng từ 2012-2014.

Ngày 20/5/2015, bị đơn họp hội nghị xã viên để bàn việc tiếp tục ký hợp đồng với Công ty K, hợp đồng được ký kết giữa 03 bên gồm bị đơn, Công ty ASV và 296 hộ xã viên.

Đến 31/12/2015, Công ty K còn nợ sản lượng năm 2015 là 220.000.000 đồng.

Đến ngày 31/3/2016, Công ty K còn nợ bị đơn tổng số tiền lãi 85 ngày chậm trả.

Việc chấm dứt hợp đồng với Công ty K, bị đơn căn cứ vào:

- Công ty K còn nợ tiền lãi bị đơn;
- Việc kế toán tẩy xóa trên Biên lai thu tiền số 50 ngày 11/8/2014 do kế toán tự chịu trách nhiệm và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ngày 08/7/2015 và ngày 04/01/2016 bị đơn tổ chức họp để đơn đốc nợ bà N có về dự và cùng ký vào biên bản.

Đến tháng 3/2016, bà N đã thanh toán hết sản lượng năm 2014 và năm 2015.

Còn phần tiền lãi nộp chậm năm 2012 = 141.852.480 đồng;

Còn phần tiền lãi nộp chậm năm 2013 = 471.409.920 đồng;

Còn phần tiền lãi nộp chậm năm 2014 = 197.936.640 đồng;

Còn phần tiền lãi nộp chậm năm 2015 = 16.281.240 đồng.

Vậy số tiền bà N còn nợ lãi là = 827.480.280 đồng trong đó của Đầm B là 74.400.000 đồng.

Căn cứ vào tiến trình thanh toán của bà N, các xã viên không tin tưởng và không ký tiếp hợp đồng nữa nhưng bị đơn làm đúng quy trình, vẫn mời bà N về làm việc cụ thể 07 lần, cụ thể:

- Lần 1 ngày 25/01/2016 gửi thư bảo đảm;
- Lần 2 ngày 17/02/2016 gửi thư bảo đảm;
- Lần 3 ngày 28/7/2016 gửi thư bảo đảm;
- Lần 4 ngày 03/8/2016 gửi thư bảo đảm;
- Lần 5 ngày 08/8/2016 gửi thư bảo đảm;
- Lần 6 ngày 31/8/2016 gửi thư bảo đảm;
- Lần 7 ngày 01/10/2016 gửi thư bảo đảm.

Ngày 31/8/2016, bị đơn đã gửi thông báo tới bà N về thu sản phẩm và tài sản trả lại mặt bằng cho xã viên thời gian 30 ngày, từ ngày 01/9/2016 đến ngày 01/10/2016 (các ngày mùng như trên bà N không về trụ sở của bị đơn để bàn bạc giải quyết).

Đối với việc Tòa án đưa Công ty ASV tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn với Công ty K khởi kiện bị đơn, bị đơn không có ý kiến gì bổ sung vì bản chất vấn đề không thay đổi. Phía Công ty ASV và Công ty K đều kế thừa để ký kết hợp đồng 03 ngày 01/01/2015.

- Về hợp đồng số 03 ngày 01/01/2015 được ký giữa bị đơn về việc nuôi thả cá với Công ty K. Bà Nguyễn Thị N làm đại diện cho khu đầm B ký 296 hộ xã viên nhưng chỉ có 50 hộ do bà N ký còn 246 hộ chưa ký. Nội dung hợp đồng chỉ nuôi thả cá, tôn tạo bờ vùng bờ thửa, trồng cây, xây dựng mô hình VAC tại khu vực đầm Bầu, với sản lượng thu là 10 tấn cá. Còn các nội dung khác thì căn cứ vào biên bản ngày 29/4/2008 của UBND quận Hoàng Mai và ở trong hợp đồng đã thể hiện.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý với lý do là bị đơn không ký hợp đồng trồng cây sưa và không biết số lượng cây sưa là bao nhiêu.

- Về phần đất diện tích 55.000m² ở đầm B có hơn 1000m² nhà xưởng phía nguyên đơn xây dựng trái phép năm 2016 - 2017 của nguyên đơn nên tôi không đại diện cho 246 hộ còn lại ký kết hợp đồng với phía nguyên đơn.

Bên cạnh đó toàn bộ phần đất hơn 10 hộ trong đó có ông Nguyễn Văn H với diện tích khoảng hơn 10.000 m² ở khu đầm B đã về nhận đất thể hiện ở bản đo đạc chúng tôi đã nộp tại Tòa án. Mặc dù phần diện tích đất này chưa được phân chia rõ ràng cho xã viên nhưng các hộ dân này không phải trong xã viên nhưng đã về hợp tác xã trả đất.

Vì những lý do trên mà bị đơn đã chấm dứt hợp đồng với bên ký hợp đồng là Công ty ASV vào thời điểm tháng 6/2016.

Để đảm bảo cho việc thu nhập của xã viên nên xã viên đã giao cho Ban quản trị tổ chức giao thầu chương mới.

- Hợp đồng bị đơn ký với ông Vũ Văn T đã chấm dứt vì ông Thành vi phạm hợp đồng.

- Bị đơn không ký hợp đồng với bà Nguyễn Thị Đan M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N trình bày: ngày 01/01/2007, Công ty K (bên B), đã ký hợp đồng kinh tế với bị đơn (bên A), để sản xuất nuôi thả cá xây dựng mô hình VAC và làm dịch vụ tại khu vực quận Hoàng Mai, TP Hà Nội (đã có hợp đồng).

Ngày 31/12/2014, trước khi hợp đồng chưa hết hạn, Công ty ASV đã họp Hội đồng quản trị và ra Nghị quyết thống nhất để Công ty ASV tham gia hội nghị Hội đồng thành viên của Công ty K (thời điểm đó Công ty K vẫn là Công ty TNHH) để bàn bạc về vấn đề liên kết kinh doanh. Theo đó, Công ty K đã lập biên bản bàn giao toàn bộ tài sản nội bộ trên khu vực đầm B cho Công ty ASV; đồng thời ông Nguyễn Ngọc K là

người đại diện theo pháp luật của Công ty K và cũng là Tổng giám đốc Công ty ASV đã lập văn bản ủy quyền cho tôi tiếp tục ký hợp đồng kinh tế số 03 ngày 01/01/2015. Khi ký kết hợp đồng tôi tham gia với tư cách của Công ty ASV và đại diện cho 50 hộ dân. Đang thực hiện hợp đồng thì bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng gây thiệt hại lớn cho phía Công ty ASV. Do đó, bên Công ty có đơn khởi kiện bị đơn.

Về phiếu thu số 50 ngày 11/8/2014 nộp 510.000.000đồng có sửa chữa do gần đây chị Duyên kế toán của bị đơn bảo tôi viết thêm nội dung vào liên gốc lưu tại bị đơn.

Ngày 04/01/2016, bị đơn gọi tôi đến làm việc và bảo tôi còn nợ tiền sản lượng của đầm B năm 2013. Sau khi làm việc với bị đơn xong thì kế toán của bị đơn mang quyển phiếu thu ra chỗ tôi và bảo tôi viết vào chỗ có phần bút xóa phủ trắng. Do tin tưởng và muốn làm ăn lâu dài với bị đơn nên tôi cũng viết vào đó.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, tôi được xem lại phiếu thu số 50 và thấy nội dung chữ viết đề lên phần tẩy sát chữ số 2013 (hủy năm 2014 chuyển sang năm 2013), trong khi phiếu thu lưu tại Công ty chỉ thể hiện phần lý do nộp là “nộp giá trị sản lượng khu đầm B năm 2012, 2013, 2014” với số tiền nộp là 510.000.000đồng(phù hợp với phiếu thu năm số 48 trích cho đầm B 150.000.000đồng).

Tại thời điểm năm 2015 trở về trước, tôi và bà Ngoan cũng như Ban quản trị của bị đơn có mối quan hệ rất tốt và thân tình nên phía bị đơn nói thế nào là tôi luôn đáp ứng N y vì mong muốn làm ăn lâu dài với bị đơn. Sau khi tập hợp các chứng từ lưu tại Công ty, chúng tôi đã phát hiện ra đã nộp thừa rất nhiều tiền cho bị đơn. Việc kế toán bị đơn tẩy xóa chứng từ là để hợp thức những khoản thu thừa của chúng tôi.

Tôi đã ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc K thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên tòa. Mọi ý kiến trình bày của ông K trước Tòa, yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bồi thường ông nêu ra tôi đều nhất trí.

Ông Vũ Văn T trình bày: tôi ký hợp đồng kinh tế với bị đơn từ ngày 10/10/2016 nhưng do bị đơn chưa thu hồi mặt bằng diện tích để bàn giao cho tôi. Sau ký hợp đồng tôi có làm giấy ủy quyền cho chị Hoàng Thị Thanh H thay mặt tôi thực hiện hợp đồng và giải quyết những vấn đề liên quan thay tôi. Về phần tài sản trên đất đầm B tôi không biết vì bị đơn không bàn giao tài sản gì tại khu đầm B cho tôi. Tôi không biết bị đơn còn hợp đồng hoặc tranh chấp với ai. Nay được biết có việc khởi kiện giữa Công ty K và Công ty ASV đối với bị đơn tôi không có ý kiến gì.

Tôi ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đan M tham gia tố tụng tại phiên tòa theo văn bản quyền ngày 28/5/2018.

Bà Hoàng Thị Thanh H trình bày: ngày 23/12/2016, ông Vũ Văn T đã ủy quyền cho tôi theo hợp đồng ủy quyền số 2449/2016/HĐUQ tại Văn phòng Công chứng Trần Thiết. Sau khi nhận ủy quyền tôi xuống thực tế và nhận thấy khu đất không phù hợp để làm mô hình theo hợp đồng của bị đơn. Vì vậy, kể từ khi nhận ủy quyền của ông T tôi không làm bất cứ việc gì trên diện tích đầm B.

Ngày 03/11/2017, tôi ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Đan M theo hợp đồng số 146/2017/HĐUQ tại Văn phòng Công chứng Trần Thiết. Tôi ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đan M tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

Ông Dương Hồng H trình bày: tôi là chồng của bà Nguyễn Thị Đan M , giúp vợ tôi làm chăm sóc cây cảnh tại khu vực đầm Bầu. Tôi ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đan M thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Công ty TNHH sản xuất và thương mại BA do bà Nguyễn Thị Đan M đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty chúng tôi ký hợp đồng thuê đồng thuê nhà xưởng với bà Nguyễn Thị Đan M để làm cơ sở sản xuất. Công ty chúng tôi không tôn tạo, xây dựng hoặc sửa chữa gì tại khu vực đầm Bầu. Tôi ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đan M thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải PE do bà Nguyễn Thị Đan M đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty chúng tôi ký hợp đồng thuê nhà xưởng với bà Nguyễn Thị Đan M để làm cơ sở sản xuất. Công ty chúng tôi không tôn tạo, xây dựng hoặc sửa chữa gì tại khu vực đầm Bầu. Tôi ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đan M thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Ông Phạm Văn L trình bày: tôi là nhân viên làm việc cho Công ty của chị M làm việc tại khu đầm B từ 08 giờ đến 17 giờ hàng ngày. Hết giờ làm việc tôi và vợ là Dung cùng 02 con nhỏ ở lại trông xưởng. Tôi không đóng góp, xây dựng gì tại khu đầm Bầu. Đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng. Tôi ủy quyền cho bà M thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Bà Nguyễn Thị Thu D trình bày: tôi là nhân viên làm việc cho Công ty của chị M làm việc tại khu đầm B từ 08 giờ đến 17 giờ hàng ngày. Hết giờ làm việc tôi và chồng là Lùng cùng 02 con nhỏ ở lại trông xưởng. Tôi không đóng góp, xây dựng gì tại khu đầm Bầu. Đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng. Tôi ủy quyền cho bà M thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Ông Lê Ngọc T trình bày: tôi là nhân viên làm việc cho Công ty của chị M làm việc tại khu đầm B từ 08 giờ đến 17 giờ hàng ngày. Hết giờ làm việc tôi về nhà. Tôi không đóng góp, xây dựng gì tại khu đầm B. Đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng. Tôi ủy quyền cho bà M thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Lê Thị Ngọc P trình bày: tôi là nhân viên làm việc cho Công ty của chị M làm việc tại khu đầm B từ 08 giờ đến 17 giờ hàng ngày. Hết giờ làm việc tôi về nhà. Tôi không đóng góp, xây dựng gì tại khu đầm B. Đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng. Tôi ủy quyền cho bà M thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Bà Nguyễn Thị Đan M trình bày: sau ngày 23/2/2016, ông Vũ Văn T ủy quyền cho bà H. Bà H hay đi vắng nên ủy quyền cho tôi trực tiếp quản lý và làm vườn tại khu vực đầm B. Sau khi được bị đơn bàn giao tôi thấy tại đầm B có khu nhà có sẵn đồ dùng còn trong nhà, có cây xoài, cây sưa và vật nuôi nhưng không có biên bản bàn giao về tài sản. Sau đó anh T đại diện của bà N vận chuyển đồ đạc. Việc đánh cây đang đánh đi thì lại thôi không đánh nữa. Sau đó tôi đã trực tiếp dọn cỏ, san đất để bày cây cảnh và khai

thác nguồn đất. Tôi không biết những vướng mắc trước đây của bị đơn. Tôi có đồ đất, tầng nền, làm cửa nhưng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Với tư cách giám đốc Công ty AMV: tôi không yêu cầu gì về số cây cảnh mà khách hàng đang gửi tại đầm B thuê tôi chăm sóc vì khi cần họ có thể chuyển đi bất cứ lúc nào.

Chị Vũ Thị Ngọc D trình bày: tôi là kế toán của bị đơn. Đối với việc thu giá trị khu vực đầm B niên hạn 2007- 2014. Năm 2007 đến năm 2011, Công ty K đã thực hiện xong việc nộp giá trị sản lượng đối với bị đơn với số tiền 514.750.000đồng.

- Năm 2012 giá trị 220.000.000đồng/năm nhưng đến 20/8/2013, Công ty K mới thanh toán 150.000.000đồng. Còn lại 70.000.000đồng của năm 2012.

- Năm 2013 giá trị sản lượng là 220.000.000đồng/năm cộng với số dư 70.000.000đồng của năm 2012. Vậy còn lại giá trị chưa nộp là 290.000.000đồng.

- Năm 2014 giá trị sản lượng là 220.000.000đồng cộng với số dư còn chưa nộp của năm 2012 + 2013 = 290.000.000đồng. Vậy tính đến năm 2014, Công ty K còn chưa nộp là 510.000.000đồng.

Đến ngày 11/8/2014, thể hiện ở Phiếu thu số 50, Công ty K có nộp 510.000.000đồng ở khu vực đầm B vậy là đã thanh toán xong giá trị năm 2012, 2013, 2014.

Tuy nhiên, sau khi anh Kiều Hùng T (nhân viên của Công ty K) cầm 510.000.000đồng đến bị đơn nộp hết giá trị của ba năm 2012 + 2013 + 2014, bà Nguyễn Thị N chủ hợp đồng khu đầm B có đến sau và yêu cầu tôi bỏ giá trị năm 2014 và chuyển sang ao khác vì các ao khác còn nợ nhiều trong đến hiện tại tháng 8/2014 chưa phải trả giá trị khu đầm Bầu. Tôi đã yêu cầu bà N đưa hóa đơn liên 2 cho tôi nhưng bà N không mang theo và tôi đã yêu cầu bà ký xác nhận trên liên 1. Sau đó còn 220.000.000đồng tôi đã chuyển sang giá trị khu ao Giữa. Đến ngày 31/3/2015 (phiếu thu 35) bà N nộp nốt giá trị 220.000.000đồng của năm 2014. Việc sửa đổi chứng từ theo Biên lai thu tiền số 50 ngày 11/8/2014, tôi không nhớ ngày sửa đổi, lý do sửa đổi là do yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty K.

Việc thu nộp giá trị sản lượng đến 31/3/2015, Công ty K đã thanh toán xong. Việc tính lãi do Công ty K chậm nộp giá trị sản lượng tính từ năm 2009 đến 2014. Cụ thể theo bảng kê chi tiết, tổng số tiền tạm tính là 106.737.216 đồng - 3.675.138đồng = 103.062.078đồng. Việc tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 01/01/2019 đến tháng 8/2014.

Chị Nguyễn Thị Lan A trình bày: về diện tích tôi đang ở quận Hoàng Mai, TP Hà Nội có nguồn gốc như sau:

Tôi đến sinh sống tại diện tích đất mà mẹ tôi là bà N mua lại của chủ cũ, các hộ dân và giao cho tôi quản lý nhân sự của Công ty K. Tôi đã chuyển về ở từ trước khi Công ty K ký hợp đồng thuê khoán với bị đơn.

Đến cuối năm 2015, bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty K nên đã dùng dây thép lưới quây lại phân biệt rõ diện tích của tôi đang ở là riêng biệt.

Ngày 01/01/2007, tôi khi đó là giám đốc Công ty TNHH thương mại XNK K và bà N đứng tên chủ hợp đồng ký kết hợp đồng kinh tế với bị đơn (có hợp đồng kèm theo) để trồng cây, vườn ao chuồng, làm dịch vụ tại khu vực đầm B.

Ngày 31/12/2014, trước khi hợp đồng đầu tiên hết hạn, Công ty K đã lập biên bản bàn giao toàn bộ tài sản nội bộ trên khu vực đầm B cho Công ty ASV; đồng thời ông Nguyễn Ngọc K là người đại diện theo pháp luật của Công ty K và cũng là Tổng giám đốc Công ty ASV đã lập văn bản ủy quyền để tôi (N) thay mặt Công ty ASV tiếp tục gia hạn ký tiếp hợp đồng số 03 ngày 01/01/2015 với bị đơn. Thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài đến hết năm 2019. Về các điều khoản cơ bản như năng suất, sản lượng phải nộp và thời hạn nộp sản lượng, hai bên vẫn thống nhất như hợp đồng đã ký năm 2007. Bị đơn đã nhận đặt cọc 100.000.000 đồng để tiếp tục ký kết hợp đồng mới. Quá trình thực hiện, bên phía bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng gây thiệt hại cho Công ty chúng tôi dẫn đến việc khởi kiện.

Tôi ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc K thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên Tòa. Về yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông K tôi đều nhất trí.

Ông Kiều Hùng Thắng trình bày: tôi là cán bộ của Công ty K được giao phụ trách hoạt động nuôi trồng thủy sản và trồng cây tại ao Giữa, ao Chăn Nuôi và đầm Bầu.

Quá trình thực hiện công việc tôi được giao nhiệm vụ mua cây sưa giống, trồng cây và nuôi trồng thủy sản tại đầm B. Tại đầm B chúng tôi ký hợp đồng với bị đơn là hình thức VAC nên căn cứ vào thực tế chúng tôi ương trồng tại đầm B như sau:

Số lượng cây nêu trên là có căn cứ Biên bản bàn giao tài sản ngày 31/12/2014 và hợp đồng mua cây giống với vườn quốc gia Ba Vì và vườn quốc gia Tam Đảo.

Về việc nộp tiền ngày 14/8/2014: trong ba năm 2012, 2013 và 2014 tại khu vực đầm B nộp sản lượng mỗi năm là 220.000.000 đồng ba năm là 660.000.000 đồng (năm 2013 Công ty K đã nộp 180.000.000 đồng ngày 11/8/2014 tôi là người trực tiếp nộp số còn lại là 510.000.000 đồng về bị đơn người nhận là bà Trung thủ quỹ và chị D là kế toán phiếu thu số 50 ngày 11/8/2014 đến năm 2016 tôi được biết bị đơn yêu cầu bà N là chủ hợp đồng sửa lại phiếu thu số 50 này trong một cuộc họp tại trụ sở của bị đơn. Số tiền này tôi là người nộp và yêu cầu nộp trả hết sản lượng 03 năm 2012 + 2013 + 2014 cho hợp đồng đầm Bầu. Bị đơn yêu cầu bà N sửa phiếu thu là không đúng. Đến khoảng tháng 9/2015 bị đơn do ông Hữu vào không cho Công ty K và Công ty ASV làm việc và đuổi đánh công nhân của chúng tôi. Ông H đã cắt rào và đưa bà con xã viên vào đuổi hết công nhân của chúng tôi đi, không cho công nhân ở lại đầm B để lao động sản xuất theo hợp đồng đã ký kết.

Tháng 10/2015, bị đơn đã cắt rào và cho người vào bắt cá chặt cây đánh đuổi công nhân. Đến đầu năm 2016, Công ty ASV và Công ty K không còn hoạt động gì tại đầm Bầu.

Tôi ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc K thay mặt tôi tham gia tố tụng tại phiên Tòa. Mọi lời trình bày của ông K tôi đều nhất trí.

Anh Nguyễn Tạ C trình bày: tôi là chồng chị Nguyễn Thị Lan A. Công ty K là nơi vợ tôi làm việc, tôi không biết gì. Việc tôi ở tại khu đất, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội là ở trên phần đất nhà vợ nên tôi không biết nguồn gốc đất như thế nào và trong quá trình xây dựng tôi cũng không biết. Tôi đề nghị được từ chối tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Chủ tịch Hội phát triển trồng R và bảo tồn sinh thái TP Hà Nội do ông Nguyễn Ngọc K đại diện trình bày:

Ngày 31/12/2012, Hội phát triển trồng rừng và bảo tồn sinh thái TP Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội trồng rừng Hà Nội) và Công K đã thống nhất ký kết Hợp đồng liên doanh trồng cây giống (giống cây sưa lõi đỏ) tại thuộc quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Nội dung Hợp đồng có các điều khoản cơ bản như sau:

-Về mặt bằng trồng cây giống: ao Chăn Nuôi khoảng 7000m², ao đầm B khoảng 22.000m², ao Giữa khoảng 5000m².

- Nguồn gốc giống cây: vườn quốc gia Ba Vì, vườn quốc gia Tam Đảo và Trung T giống cây trồng Trung ương.

-Số lượng cây giống: 3 vạn cây giống lõi đỏ loại 6 tháng tuổi, 5 nghìn cây giống lõi đỏ loại 1 năm tuổi, 1 nghìn cây giống lõi đỏ loại 2 năm tuổi.

-Tiêu chuẩn: cây đóng bầu, còn xanh tươi, đảm bảo 100% đúng là giống cây sưa lõi đỏ và 99% còn sống.

- Quy cách trồng: trồng 2 cây/6m²; Đất tơi xốp, bón phân lân; Đảm bảo độ ẩm tốt (tưới thường xuyên).

Thanh toán: bên B thanh toán trả bên A 100% tiền cây giống. Khi bên A xuất cây giống cho bên B tại vườn ươm và nhận thêm lợi nhuận 7% theo giá gốc.

Ngày 20/8/2012, Hội trồng rừng Hà Nội đã ký hợp đồng mua bán 36.000 cây giống loại sưa lõi đỏ với bà Nguyễn Thị Minh Chủ vườn ươm tại khu Gia đình thuộc vườn quốc gia Ba Vì. Ông Kiều Hùng Thắng là cán bộ Công ty K đã ký hợp đồng vận chuyển cây giống về ươm trồng tại khu vực đầm Bàu.

Ngày 01/4/2015, bà Nguyễn Thị N, Tổng giám đốc Công ty K và Phó chủ tịch Hội trồng rừng Hà Nội đã ký Hợp đồng mua bán cây giống loại sưa lõi đỏ (số lượng 3 vạn cây) với Chủ vườn ươm tại xã Tam Quan, Tam Đảo, Vĩnh Phúc là bà Đào Thị H. Số cây này đã được bà H giao cho ông Nguyễn Xuân H vận chuyển về ương tại khu đầm B (giấy biên nhận vận chuyển cây sưa giống ngày 09/4/2015).

Trong quá trình hợp tác liên doanh, hai bên đều nghiêm túc tuân thủ hợp đồng. Tuy nhiên, cuối năm 2015, bị đơn đã cho người vào khu vực ao đầm B hủy hoại tài sản, phá hủy số cây sưa giống mà Hội trồng rừng Hà Nội đã liên doanh với Công ty K ươm tại đầm Bàu, gây thiệt hại vô cùng lớn và trực tiếp xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của Công ty K và Công ty ASV.

Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện bị đơn về hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây sưa lỗi đỏ. Quan điểm của Hội đồng R Hà Nội hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải bồi thường số cây sưa giống đã bị phá hủy theo quy định pháp luật, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Về quyền lợi của Hội đồng rừng Hà Nội sẽ tự giải quyết với Công ty K sau khi có Bản án của Tòa án có thẩm quyền.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM- ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty K và Công ty ASV đối với Hợp tác xã Việt Trung.
2. Xác định việc Hợp tác xã VT đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 03 ngày 01/01/2015 ký với Công ty ASV là vi phạm quy định của pháp luật.
3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được tiếp tục thực hiện hợp đồng tại khu đầm Bầu.
4. Buộc Hợp tác xã VT phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên nguyên đơn số cây sưa bị thiệt hại tại khu vực đầm B có tổng giá trị 6.977. 994.000 đồng.
5. Buộc Hợp tác xã VT trả lại cho Công ty K khoản tiền đặt cọc 100 triệu đồng cộng tiền lãi xuất tính theo lãi xuất Ngân hàng là 9%/năm từ năm 2007 đến hết tháng 7/2019. Tổng số tiền gốc và lãi 243.685.000 đồng.
6. Đối với các thiệt hại khác là cây trồng khác, vật nuôi, nhà xưởng và các khoản tiền khác Hợp tác xã VT và bên nguyên đơn chưa đối trừ các bên có thể tự thỏa thuận. Giành quyền khởi kiện đối với nguyên đơn về những vấn đề chưa giải quyết tại khu vực đầm B bằng vụ án khác khi có yêu cầu và trong thời hiệu.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên:

-Đồng nguyên đơn Công ty K và Công ty ASV kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét sửa lại Bản án sơ thẩm, buộc Hợp tác xã VT phải tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế số 03 ngày 01/01/2015, tạo điều kiện cho các bên có thời gian hòa giải, tìm hướng giải quyết triệt để vụ án, đối chiếu lại các khoản công nợ, thanh toán các khoản tiền mà bị đơn còn đang nắm giữ của Công ty K. Xác định lại vị trí diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của các hộ xã viên.

- Bị đơn kháng cáo về việc Bản án sơ thẩm xác định việc bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng số 03 ngày 01/01/2015 với Công ty ASV là vi phạm quy định pháp luật; kháng cáo đối với nội dung buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn đối với cây sưa tại khu vực đầm B với số tiền là 6.977.994.000 đồng và phần nhận định của Bản án sơ thẩm có liên quan đến nội dung này; Kháng cáo đối với nội dung xử buộc bị đơn trả lại cho Công ty K số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng cộng tiền lãi cộng dồn tính theo lãi suất Ngân hàng là 9% năm kể từ năm 2007 đến hết tháng 07/2019 và phần nhận định liên quan đến nội dung này.

-Chị Vũ Thị Ngọc D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng

cáo đối với phần nhận định của Bản án sơ thẩm liên quan đến phiếu thu số 50 ngày 11/8/2014, phiếu thu số 76 ngày 01/11/2014 và kháng cáo đối với phần nhận định kết luận chi D thu thừa nhiều tiền của nguyên đơn.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Công ty ASV đã nộp đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/12/2020: Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thu thập thêm các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Ngày 14/01/2021, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tại khu vực quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Ngày 05/2/2021, Tòa án nhân dân TP Hà Nội nhận được Đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, Đơn đề nghị rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn và Đơn đề nghị rút yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị Ngọc D và Văn bản thỏa thuận và cam kết thể hiện các đương sự đã thỏa thuận được với nhau toàn bộ vụ án và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, rút các yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn, bị đơn và chị D là người kháng cáo đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa mở vào ngày 03/3/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/3/2021, chỉ có chị Nguyễn Thị Đàm M vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập và không có kháng cáo, đồng thời chị M là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn T, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải PE, Công ty TNHH sản xuất và thương mại BA, ông Kiều Hùng T, bà Hoàng Thị Thanh H, ông Dương Hồng H, ông Nguyễn Hồng Hg, anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị D đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập và không có kháng cáo.

Chị M trình bày: hiện nay chị M đang đàm phán với đồng nguyên đơn, bị đơn để nhận chuyển nhượng và trả lại một số tài sản trên đất của đồng nguyên đơn. Chị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác ủy quyền cho chị đều không có yêu cầu độc lập và không có kháng cáo nên chị không có ý kiến gì về việc đồng nguyên đơn rút đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo, việc bị đơn và chị Duyên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút đơn kháng cáo.

Chị M xin phép Hội đồng xét xử cho về sớm để giải quyết công việc đang còn dở với đồng nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

Ông Vũ Đại H là người làm chứng trình bày: ông chỉ là người làm chứng sự việc xảy ra tranh chấp nên không có ý kiến gì về việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo, bị đơn và chị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Công ty ASV, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị Ngọc D kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đồng nguyên đơn đã nộp Đơn đề nghị rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã nộp Đơn đề nghị rút yêu cầu kháng cáo và chị Vũ Thị Ngọc D nộp Đơn đề nghị rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự nộp kèm Văn bản thỏa thuận và cam kết thể hiện các đương sự đã thỏa thuận được với nhau toàn bộ vụ án.

Như vậy, việc các đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của bà M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn T, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải PE, Công ty TNHH sản xuất và thương mại BA, ông Kiều Hùng T, bà Hoàng Thị Thanh H, ông Dương Hồng H, ông Nguyễn Hồng H, anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị D đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập và không có kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Công ty ASV, bị đơn và bà Vũ Thị Ngọc D kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của các đương sự trên là hợp lệ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết phúc thẩm vụ án, ngày 11/11/2020 Công ty ASV đã nộp đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

Ngày 05/2/2021, đồng nguyên đơn đã nộp Đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã nộp Đơn đề nghị rút yêu cầu kháng cáo và bà Vũ Thị Ngọc D nộp Đơn đề nghị rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự nộp kèm Văn bản thỏa thuận và cam kết thể hiện các đương sự đã thỏa thuận được với nhau toàn bộ vụ án và rút các yêu cầu khởi kiện, rút các yêu cầu kháng cáo.

Chị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là ông Vũ Văn Th, Công ty vận tải PE, Công ty sản xuất và thương mại BA, ông Kiều Hùng T, bà Hoàng Thị Thanh H, ông Dương Hồng H, ông Nguyễn Hồng H, anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị D đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập và không có kháng cáo. Trong quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án các đương sự trên đều có lời khai thể hiện không có tranh chấp cũng như không có đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi của mình. Do đó, xác định các đương sự này không có liên quan đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn nêu trên. Nếu các đương sự này có tranh chấp với nguyên đơn, bị đơn hay những người có liên quan khác trong vụ án thì sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Việc đồng nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận giải quyết được với nhau về toàn bộ vụ án và nộp đơn rút toàn bộ các yêu cầu khởi kiện, rút các yêu cầu kháng cáo là hoàn

hoàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Về án phí: đồng nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, các đương sự có kháng cáo phải chịu ½ án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 299, 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTWQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2020/KDTM- ST ngày 11/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

2. Đình chỉ việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 139/2019/KTPT ngày 24/12/2019 về việc tranh chấp hợp đồng thuê khoán.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần K Group thương mại Việt Nam và Công ty cổ phần truyền thông ASV phải chịu án phí do phần yêu cầu không được chấp nhận là 15.457.000 (mười năm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007167 ngày 09/4/2018 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004173 ngày 17/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Hoàn trả lại Công ty cổ phần K Group thương mại Việt Nam và Công ty cổ phần truyền thông ASV số tiền 94.093.000 (chín mươi tư triệu không trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

- Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp VT phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 114.977.994 (một trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tư) đồng.

Án phí phúc thẩm:

- Công ty cổ phần truyền thông ASV phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 4543 ngày 09/8/2020 và Biên lai số 4706 ngày 25/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

- Bị đơn Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp VT phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 4552 ngày 13/8/2020 và Biên lai số 4708 ngày 25/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

-Bà Vũ Thị Ngọc D phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 4551 ngày 13/8/2020 và Biên lai số 4707 ngày 25/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Hoàng Mai;
- Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành